

Số: 25 /2017/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày 08 tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, công tác quản lý giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018-2020

SỞ TƯ PHÁP TỈNH LAI CHÂU	
CÔNG	Số:.....2586.....
VĂN	Ngày:.....20/12/17.....
ĐẾN	Chuyên:.....

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ SÁU**

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và dự án nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét Tờ trình số 2109 /TTr-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi hỗ trợ thực hiện dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2017-2020; Báo cáo thẩm tra số 517/BC-HĐND ngày 24 tháng 11 năm 2017 của Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, công tác quản lý giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018-2020 (Có quy định gửi kèm).

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu khóa XIV, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn

QUY ĐỊNH

Nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, công tác quản lý giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018-2020

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 25 /2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế, nhân rộng mô hình giảm nghèo, công tác quản lý giảm nghèo ở cấp xã thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2018-2020, áp dụng trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 15/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 18/2017/TT-BNNPTNT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Đối tượng áp dụng

Các xã, thị trấn trên địa bàn tỉnh; người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, nhóm hộ và cộng đồng dân cư trên địa bàn huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn và thôn, bản đặc biệt khó khăn thuộc Chương trình 135, xã ngoài Chương trình 30a và Chương trình 135, trong đó: ưu tiên người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, người khuyết tật còn khả năng lao động thuộc hộ nghèo, phụ nữ thuộc hộ nghèo; tạo điều kiện để người sau cai nghiện ma túy, nhiễm HIV/AIDS, phụ nữ bị buôn bán trở về thuộc hộ nghèo tham gia dự án.

Việc thành lập nhóm hộ do Ủy ban nhân dân xã quyết định, số lượng hộ tham gia trong nhóm từ 03 hộ trở lên (trong đó tỷ lệ hộ không nghèo tham gia nhóm hộ tối đa là 30%).

Chương II **NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

Mục 1 **NỘI DUNG VÀ MỨC CHI HỖ TRỢ THỰC HIỆN DỰ ÁN** **PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT, ĐA DẠNG HOÁ SINH KẾ**

Điều 2. Mức hỗ trợ dự án, mức chi xây dựng và quản lý dự án

1. Mức hỗ trợ dự án: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/dự án.
2. Mức chi xây dựng và quản lý dự án: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện dự án và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án.

Điều 3. Nội dung và mức chi chuyên môn của dự án

1. Đối với dự án trồng trọt

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, máy móc, trang thiết bị sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch.

b) Mức hỗ trợ

- Đối với cây lâu năm: Hỗ trợ 01 lần 100% giá giống ban đầu, giá phân bón và thuốc bảo vệ thực vật trong thời kỳ kiến thiết cơ bản; hỗ trợ theo diện tích thực tế và định mức kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với cây hàng năm: Hỗ trợ 100% giá giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; hỗ trợ theo diện tích thực tế và định mức kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thời gian hỗ trợ 03 vụ sản xuất liên tiếp.

- Hỗ trợ 100% giá máy móc, trang thiết bị sản xuất, sơ chế, chế biến, bảo quản sản phẩm sau thu hoạch, tối đa 10 triệu đồng/máy.

c) Hình thức hỗ trợ: Theo hộ hoặc nhóm hộ.

2. Đối với dự án chăn nuôi

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ giống, chuồng trại, vắc xin tiêm phòng, máy móc phục vụ chăn nuôi.

b) Mức hỗ trợ, hình thức và điều kiện hỗ trợ

- Hỗ trợ giống gia cầm: Hỗ trợ tối đa không quá 02 lần/hộ; mức hỗ trợ tối đa 03 triệu đồng/lần; hình thức hỗ trợ theo hộ; hộ phải có chuồng trại trước khi được hỗ trợ.

- Hỗ trợ giống gia súc: Hỗ trợ 01 lần giá giống, tối đa 10 triệu đồng/hộ; hình thức hỗ trợ theo hộ hoặc nhóm hộ; chỉ hỗ trợ cho những hộ trong giai đoạn 2016-2020 chưa được hỗ trợ.

- Hỗ trợ chuồng trại: Mức hỗ trợ 02 triệu đồng/hộ.

- Hỗ trợ vắc xin tiêm phòng cho đàn gia súc, gia cầm: Hỗ trợ 100% tiền vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: Lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả, dịch tai xanh ở lợn, cúm gia cầm... và theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ máy móc phục vụ chăn nuôi: Hỗ trợ 100% giá máy móc phục vụ chăn nuôi, tối đa 10 triệu đồng/máy/hộ; chỉ hỗ trợ cho những hộ trong giai đoạn 2016-2020 chưa được hỗ trợ.

3. Đối với dự án nuôi trồng thủy sản

a) Hỗ trợ 01 lần giá giống thủy sản; mức hỗ trợ theo diện tích, thể tích thực tế, tối đa 02 triệu đồng/1000m² mặt nước hoặc 100m³ lồng nuôi.

b) Ngoài chính sách hỗ trợ trên, đối với các hộ nghèo có diện tích mặt nước nuôi trồng thủy sản từ 100m² trở lên: hỗ trợ 01 lần 1,5 triệu đồng/hộ để cải tạo ao nuôi trước khi thả giống.

4. Đối với dự án hỗ trợ phát triển ngành nghề dịch vụ

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ nhà xưởng, máy móc thiết bị.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu đồng/hộ.

c) Hình thức hỗ trợ: Theo hộ hoặc nhóm hộ.

d) Điều kiện hỗ trợ: Những hộ trong giai đoạn 2016-2020 chưa được hỗ trợ.

Mục 2

NỘI DUNG VÀ MỨC CHI NHẬN RỘNG MÔ HÌNH GIẢM NGHEO

Điều 4. Mức hỗ trợ mô hình; mức chi xây dựng và quản lý mô hình

1. Mức hỗ trợ mô hình: Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 500 triệu đồng/mô hình.

2. Mức chi xây dựng và quản lý mô hình: Không quá 5% tổng kinh phí thực hiện mô hình và không quá 10% mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho mô hình.

Điều 5. Nội dung và mức chi chuyên môn của mô hình

1. Đối với mô hình trồng trọt

a) Nội dung và mức hỗ trợ: Thực hiện theo Điểm a, Điểm b, Khoản 1, Điều 3, Mục 1 Quy định này.

b) Hình thức hỗ trợ: Theo hộ.

2. Đối với mô hình chăn nuôi

a) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần giá giống gia súc, mức hỗ trợ tối đa 10 triệu

đồng/hộ; hỗ trợ 100% tiền vắc xin để tiêm phòng đối với các bệnh nguy hiểm: Lở mồm long móng, nhiệt thán, tụ huyết trùng trâu bò, dịch tả, dịch tai xanh ở lợn... và theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt..

b) Hình thức hỗ trợ: Theo hộ hoặc nhóm hộ.

c) Điều kiện hỗ trợ: Những hộ chưa được hỗ trợ trong giai đoạn 2016-2020.

3. Đối với mô hình thủy sản

a) Nội dung hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần giá giống thủy sản.

b) Mức hỗ trợ: Theo diện tích, thể tích thực tế, tối đa 02 triệu đồng/1000m² mặt nước hoặc 100m³ lồng nuôi.

Mục 3 **MỨC CHI HỖ TRỢ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VỀ** **GIẢM NGHÈO Ở CẤP XÃ**

Điều 6. Mức chi hỗ trợ công tác quản lý về giảm nghèo ở cấp xã

1. Đối với các xã đặc biệt khó khăn, xã biên giới: 05 triệu đồng/xã/năm.

2. Đối với thị trấn và các xã còn lại: 03 triệu đồng/xã/năm.

Chương III **NGUỒN KINH PHÍ**

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn Ngân sách nhà nước giao thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2018-2020

2. Từ nguồn huy động, đóng góp của cá nhân, tổ chức và các nguồn tài chính hợp pháp khác./.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn